

Số: 34 /KH-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và giảng viên Trường Đại học Thủ Dầu Một giai đoạn 2020 - 2030

Thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐTr ngày 22/6/2018 của Hội đồng trường về việc thông qua chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030;

Nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong thời gian tới; Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức và giảng viên giai đoạn 2020 - 2030 như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ viên chức và giảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời đại hội nhập, cách mạng giáo dục 4.0 cho Nhà trường giai đoạn 2020 - 2030 và định hướng cho những năm tiếp theo.

- Bảo đảm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, năng lực phát triển quan hệ xã hội; ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và chiến lược phát triển của Trường.

1.2. Yêu cầu

- Việc xây dựng kế hoạch, tuyển chọn và cử cán bộ giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng phải được tiến hành công khai và đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và phù hợp với vị trí việc làm và quy hoạch cán bộ của từng đơn vị.

- Việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải được thực hiện theo qui định và theo các yêu cầu của cơ sở đào tạo, thực hiện đúng qui trình, thủ tục, phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo và công tác chuyên môn được giao.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

2.1. Về đào tạo chuyên môn

Đào tạo trình độ sau đại học đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ của Nhà trường theo mục tiêu chiến lược đề ra.

2.2. Về bồi dưỡng

- Lý luận chính trị:

+ Trang bị trình độ lý luận chính trị theo tiêu chuẩn quy định cho các chức danh lãnh đạo, quản lý và các ngạch viên chức.

+ Tổ chức phổ biến các văn kiện, nghị quyết của Đảng; thường xuyên cập nhật, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đảng viên, cán bộ viên chức theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền.

- Kiến thức quốc phòng – an ninh: Bồi dưỡng theo các chương trình quy định cho cán bộ, viên chức và theo chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước: Trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo chương trình quy định cho cán bộ, viên chức các ngạch và theo chức vụ lãnh đạo, quản lý

- Kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Bồi dưỡng kiến thức quản trị đại học cho đội ngũ cán bộ quản lý của Trường

+ Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm theo quy định.

- Kiến thức hội nhập quốc tế

- Tin học và ngoại ngữ: Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ đảm bảo đạt chuẩn trình độ theo quy định đối với từng chức danh nghề nghiệp (quy định của thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDDT-BNV ngày 28/11/2014 và thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014)

3. Đối tượng và điều kiện tham gia đào tạo, bồi dưỡng

3.1. Đối tượng

- Cán bộ, viên chức và giảng viên đang công tác tại Trường.

- Đối với đào tạo trình độ sau đại học mở rộng thêm đối tượng:

+ Con của cán bộ, viên chức và giảng viên đang công tác tại Trường, có thời gian công tác từ 05 năm trở lên.

+ Sinh viên đào tạo nguồn: Là sinh viên của Trường Đại học Thủ Dầu Một hoặc các trường đại học trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên (có năng lực và khả năng phát triển tốt). Nếu tốt nghiệp các trường đại học nước ngoài hoặc các chương trình liên kết với nước ngoài thì phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận.

3.2. Điều kiện

- Đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

- Nội dung bồi dưỡng phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu vị trí việc làm đang đảm nhận.

- Các ngành, chuyên ngành tham gia đào tạo trình độ sau đại học phải phù hợp với chuyên môn, vị trí việc làm và định hướng phát triển các ngành đào tạo của Trường; ưu tiên khuyến khích đào tạo các ngành, chuyên ngành mới theo kế hoạch mở ngành của Trường (theo ghi chú trong Phụ lục 1).

4. Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức và giảng viên giai đoạn 2020-2030

4.1. Chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030

- Tổng số cán bộ, giảng viên: 1.100. Trong đó giảng viên 87,3%, viên chức hành chính 12,7%. 37% có trình độ từ tiến sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 30 giáo sư, 90 phó giáo sư và 290 tiến sĩ.

- Giảng viên cơ hữu đảm nhận 80% khối lượng chương trình đào tạo, 20% thỉnh giảng.

- 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, quản trị đại học.

4.2. Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cụ thể từng năm từ năm 2020 – 2030

a) Chỉ tiêu bồi dưỡng

Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế của các đơn vị thuộc Trường và tình hình chiêu sinh các khóa bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền, Nhà trường thông báo đến các đơn vị để lập danh sách cử cán bộ, viên chức tham gia hoặc các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch đăng ký tham gia các khóa bồi dưỡng trình Lãnh đạo trường phê duyệt.

Đảm bảo 100% cán bộ, viên chức và giảng viên đều được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, theo tiêu chuẩn quy định cho các chức danh lãnh đạo, quản lý và các ngạch viên chức.

b) Chỉ tiêu đào tạo chuyên môn

Trên cơ sở chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030 và thực tế đội ngũ cán bộ, viên chức và giảng viên của Trường hiện nay, Nhà trường phân bổ chỉ tiêu đào tạo trình độ sau đại học cụ thể của từng ngành, chuyên ngành theo từng năm từ năm 2020 – 2030 (Chi tiết xem tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm).

Riêng đối tượng sinh viên đào tạo nguồn, mỗi năm tuyển chọn ít nhất 10 sinh viên đủ điều kiện và có nguyện vọng để tham đào tạo giảng viên nguồn.



4. Hình thức và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

4.1. Hình thức

Tùy theo năng lực và điều kiện, cán bộ, viên chức và giảng viên có thể chọn một trong các hình thức đào tạo, bồi dưỡng sau:

- Đào tạo, bồi dưỡng trong nước: Khuyến khích tham gia đào tạo các ngành, chuyên ngành sau đại học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, các trường thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài: Ưu tiên các trường đã thực hiện ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) với Trường Đại học Thủ Dầu Một (Cá nhân, đơn vị liên hệ phòng Hợp tác Quốc tế để cập nhật danh sách các trường đã thực hiện ký kết MOU)

- Đào tạo liên kết: Các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

4.2. Kinh phí

Kinh phí cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng thực hiện phù hợp với nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, bao gồm các nguồn kinh phí:

- Theo diện học bổng, gồm:
 - + Theo đề án của Chính phủ
 - + Từ các cơ sở đào tạo trong và nước ngoài
 - + Từ các Giáo sư nước ngoài
- Từ ngân sách của Tỉnh
- Kinh phí của Trường
- Nhận tài trợ từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.
- Cá nhân tự túc và được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện

- **Phòng Tổ chức:** Là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, đơn đốc, theo dõi, hướng dẫn các quy trình, thủ tục, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện với Lãnh đạo trường. Hỗ trợ tìm hiểu chính sách đào tạo, bồi dưỡng để thông báo đến các đơn vị thuộc Trường.

- **Phòng Công tác sinh viên:** Phối hợp với các khoa rà soát, giới thiệu những sinh viên có nguyện vọng và thành tích học tập tốt để cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

- **Phòng Kế toán:** Giải quyết chế độ, thủ tục tài chính có liên quan theo quy định; xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2020 - 2030

- **Phòng Hợp tác quốc tế:** Thống kê danh sách và tìm hiểu chương trình đào tạo sau đại học, chính sách học bổng của các trường nước ngoài đã thực hiện ký kết MOU với Trường Đại học Thủ Dầu Một để giới thiệu đến cán bộ, viên chức và giảng viên Trường.

- **Các đơn vị thuộc Trường:** Phổ biến kế hoạch đến toàn thể cán bộ, viên chức, giảng viên và sinh viên. Căn cứ vào chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng đề ra trong kế hoạch, các đơn vị chọn cử cán bộ, viên chức, giảng viên và sinh viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký với phòng Tổ chức để được hướng dẫn cụ thể.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và giảng viên Trường Đại học Thủ Dầu Một giai đoạn 2020 – 2030, đề nghị Trường các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Hội đồng trường;
- HT, các PHT;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, TC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Handwritten signature
PGS-TS. Lê Tuấn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
Bảng tổng thể chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng của từng ngành, chuyên ngành
Giai đoạn 2020 đến 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 34 /KH-ĐHTDM ngày 24 tháng 3 năm 2020)

TT	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng từng năm												Ghi chú
		Tổng	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
		430	41	46	38	39	35	43	38	38	36	37	39	
1	Khoa học môi trường	6					1	1		1	1	1	1	
2	Quản lý nhà nước	11	2	2	1		1	1	1		1	1	1	
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	8	1	2			1	1	1			1	1	
4	Quản lý đất đai	6	1		1			1		1		1	1	
5	Quản lý đô thị	5		1		1		1		1		1		
6	Luật	15	1	2	1		2	2	1	1	1	2	2	
7	Hóa học	3							1			1	1	
8	Công tác xã hội	14		2	1		2	1	1	1	2	2	2	
9	Quốc tế học	8	1	1	1		1	2	1		1			
10	Chính trị học	6		1	1		1		1		1		1	
11	Kiến trúc	10	2	1	1		1	1		1	1	1	1	
12	Quy hoạch vùng - Đô thị	6	1	1	1			1			1		1	
13	Thiết kế đồ họa	6	1		1			1		1		1	1	
14	Công nghệ chế biến lâm sản	7	1	1	1		2	1		1				
15	Kỹ thuật xây dựng	11		1	2	1	1		2	1	1	1	1	
16	Quản trị kinh doanh	17	2	2	2	2	1	2	1	1	1	2	1	
17	Quản lý công nghiệp	13	2	1	1	1	1	1	2		1	2	1	
18	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	18	1	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	
19	Toán kinh tế	10	1	2	1	1		1		2		1	1	
20	Kế toán	14	2	1	2	2	1	1	1	2	1	1		
21	Tài chính Ngân hàng	8		2		1	1		1	2	1			

TT	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Tổng	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
22	Công nghệ kỹ thuật ô tô	17	2	1	3	2	1	1	1	2	1	2	1	
23	Kỹ thuật phần mềm	7	1		1		1		1	1	1	1		
24	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	17	2	2	2	2	1	1	2	2	1	1	1	
25	Hệ thống thông tin	6		1	1				1		1	1	1	
26	Công nghệ thông tin	11	1	2		2		2		2		1	1	
27	Kỹ thuật Điện	12	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	
28	Kỹ thuật Cơ điện tử	9	1	1		2		2	1		1		1	
29	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	15	2	2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	
30	Ngôn ngữ Trung Quốc	19	3	1	1	2	2	2	2	2	1	1	2	
31	Ngôn ngữ Anh	19	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	
32	Giáo dục học	8		1		1		1	1	1	1	1	1	
33	Tâm lý học	3				1		1	1					
34	Giáo dục tiểu học	6		1		1		1	1		1	1		
35	Giáo dục mầm non	6		1		1		1	1		1	1		
36	Âm nhạc	5		1		1		1			1		1	
37	Mỹ thuật	7		1	1		1	1	1		1		1	
38	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	12	2		1	2	1	1	1	2	1		1	Ngành mới
39	Công nghệ thực phẩm	10	2			2	1	1	1	1	1		1	Ngành mới
40	Du lịch	18	2	2	1	2	1	1	2	1	2	2	2	Ngành mới
41	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	21	2	1	2	3	2	2	1	2	2	2	2	Ngành mới



PHỤ LỤC 2

**BẢNG CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
GIAI ĐOẠN 2020 ĐẾN 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: 24/KH-DHTDM ngày 24 tháng 3 năm 2020)

STT	Ngành/Chuyên ngành		Trình độ		Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
2020		41	35	6	21	0	20
1	Quản lý nhà nước	2	2		2		
2	Quản lý tài nguyên và môi trường	1	1		1		
3	Quản lý đất đai	1	1		1		
4	Luật	1	1		1		
5	Quốc tế học	1	1				1
6	Kiến trúc	2	2		2		
7	Quy hoạch vùng - Đô thị	1	1		1		
8	Thiết kế đồ họa	1	1		1		
9	Công nghệ chế biến lâm sản	1	1		1		
10	Quản trị kinh doanh	2	2		1		1
11	Quản lý công nghiệp	2	2		1		1
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	1		1		
13	Kế toán	2	2				2
14	Công nghệ kỹ thuật ô tô	2	2				2
15	Kỹ thuật phần mềm	1	1				1
16	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2	2		1		1
17	Kỹ thuật Điện	1	1				1
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	3	2	1			3
19	Ngôn ngữ Anh	1	1				1
20	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	2	1	1	1		1
21	Du lịch	2	1	1	1		1
22	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1	1		1
23	Toán kinh tế	1	1		1		
24	Công nghệ thông tin	1	1				1
25	Kỹ thuật Cơ điện tử	1	1				1
26	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2	1	1	2		
27	Công nghệ thực phẩm	2	1	1	1		1
2021		46	44	2	26	1	19
1	Quản lý nhà nước	2	2		2		
2	Quản lý tài nguyên và môi trường	2	2		2		
3	Luật	2	2		2		
4	Công tác xã hội	2	2		1		1

STT	Ngành/Chuyên ngành		Trình độ		Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
5	Quốc tế học	1	1		1		
6	Kiến trúc	1	1				1
7	Quy hoạch vùng - Đô thị	1	1		1		
8	Công nghệ chế biến lâm sản	1	1			1	
9	Kỹ thuật xây dựng	1	1				1
10	Quản trị kinh doanh	2	2		1		1
11	Quản lý công nghiệp	1	1				1
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	2		1		1
13	Kế toán	1	1				1
14	Tài chính Ngân hàng	2	2		2		
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	1				1
16	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2	2		1		1
17	Hệ thống thông tin	1	1		1		
18	Kỹ thuật Điện	1	1		1		
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	1	1				1
20	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
21	Quản lý giáo dục	1	1				1
22	Giáo dục tiểu học	1	1		1		
23	Giáo dục mầm non	1	1		1		
24	Du lịch	2	1	1			2
25	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	1	1				1
26	Quản lý đô thị	1	1		1		
27	Chính trị học	1	1		1		
28	Toán kinh tế	2	2		1		1
29	Công nghệ thông tin	2	2		1		1
30	Kỹ thuật Cơ điện tử	1	1		1		
31	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2	1	1	1		1
32	Âm nhạc	1	1		1		
33	Mỹ thuật	1	1		1		
2022		38	34	4	14	2	23
1	Quản lý nhà nước	1	1		1		
2	Quản lý đất đai	1	1		1		
3	Luật	1	1			1	
4	Công tác xã hội	1	1				1
5	Quốc tế học	1	1		1		
6	Kiến trúc	1	1		1		
7	Quy hoạch vùng - Đô thị	1	1		1		
8	Thiết kế đồ họa	1	1		1		
9	Công nghệ chế biến lâm sản	1	1				1
10	Kỹ thuật xây dựng	2	2				2
11	Quản trị kinh doanh	2	2		1		1
12	Quản lý công nghiệp	1	1				1

STT	Ngành/Chuyên ngành		Trình độ		Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
13	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	2		1		1
14	Kế toán	2	2		1		1
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	3	2	1			3
16	Kỹ thuật phần mềm	1	1		1		
17	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2	1	1			2
18	Hệ thống thông tin	1	1				1
19	Kỹ thuật Điện	1	1				1
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	1	1				1
21	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
22	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	1	1			1	
23	Du lịch	1	1				
24	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1			2
25	Chính trị học	1	1		1		
26	Toán kinh tế	1	1				1
27	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2	1	1	2		2
28	Mỹ thuật	1	1		1		
2023		39	35	4	20	2	17
1	Kỹ thuật xây dựng	1	1		1		
2	Quản trị kinh doanh	2	2		1		1
3	Quản lý công nghiệp	1	1		1		
4	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	2			1	1
5	Kế toán	2	2		2		
6	Tài chính Ngân hàng	1	1		1		
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	2	2			1	1
8	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2	2		1		1
9	Kỹ thuật Điện	1	1		1		
10	Ngôn ngữ Trung Quốc	2	1	1			2
11	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
12	Quản lý giáo dục	1	1		1		
13	Tâm lý học	1	1		1		
14	Giáo dục tiểu học	1	1		1		
15	Giáo dục mầm non	1	1		1		
16	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	2	1	1	1		1
17	Du lịch	2	2				2
18	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	3	2	1			3
19	Quản lý đô thị	1	1		1		
20	Toán kinh tế	1	1		1		
21	Công nghệ thông tin	2	2		1		1

STT	Ngành/Chuyên ngành		Trình độ		Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
22	Kỹ thuật Cơ điện tử	2	2		1		1
23	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1		1		
24	Âm nhạc	1	1		1		
25	Công nghệ thực phẩm	2	1	1	1		1
2024		35	32	3	12	1	23
1	Khoa học môi trường	1	1				1
2	Quản lý nhà nước	1	1			1	
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	1	1		1		
4	Luật	2	2		2		
5	Công tác xã hội	2	2				2
6	Quốc tế học	1	1				1
7	Kiến trúc	1	1		1		
8	Công nghệ chế biến lâm sản	2	2		2		
9	Kỹ thuật xây dựng	1	1				1
10	Quản trị kinh doanh	1	1				1
11	Quản lý công nghiệp	1	1				1
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	1	1			2
13	Kế toán	1	1		1		
14	Tài chính Ngân hàng	1	1				1
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	1				1
16	Kỹ thuật phần mềm	1	1				1
17	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	1	1		1		
18	Kỹ thuật Điện	1	1				1
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	2	2				2
20	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
21	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	1	1		1		1
22	Du lịch	1	1				1
23	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1			2
24	Chính trị học	1	1		1		
25	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2	1	1	1		1
26	Mỹ thuật	1	1		1		
27	Công nghệ thực phẩm	1	1				1
2025		43	41	2	22	0	21
1	Khoa học môi trường	1	1		1		
2	Quản lý nhà nước	1	1		1		
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	1	1		1		
4	Quản lý đất đai	1	1		1		
5	Luật	2	2		2		
6	Công tác xã hội	1	1				1
7	Quốc tế học	2	2				2
8	Kiến trúc	1	1				1

STT	Ngành/Chuyên ngành	Trình độ			Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
9	Quy hoạch vùng - Đô thị	1	1		1		
10	Thiết kế đồ họa	1	1				1
11	Công nghệ chế biến lâm sản	1	1				1
12	Quản trị kinh doanh	2	2		1		1
13	Quản lý công nghiệp	1	1				1
14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	1				1
15	Kế toán	1	1		1		
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	1				1
17	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	1	1				1
18	Kỹ thuật Điện	1	1				1
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	2	1	1			2
20	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
21	Quản lý giáo dục	1	1		1		
22	Tâm lý học	1	1		1		
23	Giáo dục tiểu học	1	1		1		
24	Giáo dục mầm non	1	1		1		
25	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	1	1				1
26	Du lịch	1	1				1
27	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1	2		
28	Quản lý đô thị	1	1		1		
29	Toán kinh tế	1	1				1
30	Công nghệ thông tin	2	2		1		1
31	Kỹ thuật Cơ điện tử	2	2		2		
32	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1		1		
33	Âm nhạc	1	1		1		
34	Mỹ thuật	1	1		1		
35	Công nghệ thực phẩm	1	1				1
2026		38	37	1	18	1	19
1	Quản lý nhà nước	1	1		1		
2	Quản lý tài nguyên và môi trường	1	1		1		
3	Luật	1	1		1		
4	Hóa học	1	1				1
5	Công tác xã hội	1	1		1		
6	Quốc tế học	1	1		1		
7	Kỹ thuật xây dựng	2	2		1		1
8	Quản trị kinh doanh	1	1				1
9	Quản lý công nghiệp	2	2		1		1
10	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	1				1
11	Kế toán	1	1		1		
12	Tài chính Ngân hàng	1	1				1
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	1		1		

STT	Ngành/Chuyên ngành		Trình độ		Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
14	Kỹ thuật phần mềm	1	1			1	
15	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2	2				2
16	Hệ thống thông tin	1	1		1		
17	Kỹ thuật Điện	2	2		1		1
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	2	1	1			2
19	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
20	Quản lý giáo dục	1	1				1
21	Tâm lý học	1	1		1		
22	Giáo dục tiểu học	1	1		1		
23	Giáo dục mầm non	1	1		1		
24	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	1	1		1		
25	Du lịch	2	2				2
26	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	1	1				1
27	Chính trị học	1	1		1		
28	Kỹ thuật Cơ điện tử	1	1				1
29	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1				1
30	Mỹ thuật	1	1		1		
31	Công nghệ thực phẩm	1	1		1		
2027		38	33	5	14	2	22
1	Khoa học môi trường	1	1		1		
2	Quản lý đất đai	1	1		1		
3	Luật	1	1				1
4	Công tác xã hội	1	1			1	
5	Kiến trúc	1	1		1		
6	Thiết kế đồ họa	1	1		1		
7	Công nghệ chế biến lâm sản	1	1				1
8	Kỹ thuật xây dựng	1	1			1	
9	Quản trị kinh doanh	1	1				1
10	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	1	1			2
11	Kế toán	2	2				2
12	Tài chính Ngân hàng	2	2				2
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	2	1	1			2
14	Kỹ thuật phần mềm	1	1		1		
15	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2	1	1	1		1
16	Kỹ thuật Điện	1	1				1
17	Ngôn ngữ Trung Quốc	2	2				2
18	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
19	Quản lý giáo dục	1	1		1		
20	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	2	1	1	2		
21	Du lịch	1	1				1

STT	Ngành/Chuyên ngành	Trình độ			Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
22	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1	1		1
23	Quản lý đô thị	1	1		1		
24	Toán kinh tế	2	2		1		1
25	Công nghệ thông tin	2	2				2
26	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1		1		
27	Công nghệ thực phẩm	1	1		1		
2028		36	35	1	19	2	15
1	Khoa học môi trường	1	1		1		
2	Quản lý nhà nước	1	1				1
3	Luật	1	1			1	
4	Công tác xã hội	2	2		1		1
5	Quốc tế học	1	1				1
6	Kiến trúc	1	1		1		
7	Quy hoạch vùng - Đô thị	1	1		1		
8	Kỹ thuật xây dựng	1	1			1	
9	Quản trị kinh doanh	1	1				1
10	Quản lý công nghiệp	1	1				1
11	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	2		1		1
12	Kế toán	1	1		1		
13	Tài chính Ngân hàng	1	1				1
14	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	1				1
15	Kỹ thuật phần mềm	1	1		1		
16	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	1	1		1		
17	Hệ thống thông tin	1	1		1		
18	Kỹ thuật Điện	1	1				1
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	1	1				1
20	Ngôn ngữ Anh	1	1				1
21	Quản lý giáo dục	1	1		1		
22	Giáo dục tiểu học	1	1		1		
23	Giáo dục mầm non	1	1		1		
24	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	1	1				1
25	Du lịch	2	2				2
26	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1	2		
27	Chính trị học	1	1		1		
28	Kỹ thuật Cơ điện tử	1	1		1		
29	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1		1		
30	Âm nhạc	1	1		1		
31	Mỹ thuật	1	1		1		
32	Công nghệ thực phẩm	1	1				1
2029		37	35	2	19	3	15
1	Khoa học môi trường	1	1		1		

TÍNH
NG
HỌC
U MỘT
5

STT	Ngành/Chuyên ngành	Trình độ			Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
2	Quản lý nhà nước	1	1		1		
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	1	1		1		
4	Quản lý đất đai	1	1		1		
5	Luật	2	2		2		
6	Hóa học	1	1				1
7	Công tác xã hội	2	2			1	1
8	Kiến trúc	1	1			1	
9	Thiết kế đồ họa	1	1				1
10	Kỹ thuật xây dựng	1	1		1		
11	Quản trị kinh doanh	2	2		2		
12	Quản lý công nghiệp	2	2		2		
13	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	1				1
14	Kế toán	1	1		1		
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	2	1	1			2
16	Kỹ thuật phần mềm	1	1				1
17	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	1	1		1		
18	Hệ thống thông tin	1	1				1
19	Kỹ thuật Điện	1	1				1
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	1	1				1
21	Ngôn ngữ Anh	1	1				1
22	Quản lý giáo dục	1	1		1		
23	Giáo dục tiểu học	1	1		1		
24	Giáo dục mầm non	1	1		1		
25	Du lịch	2	2			1	1
26	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1			2
27	Quản lý đô thị	1	1		1		
28	Toán kinh tế	1	1				1
29	Công nghệ thông tin	1	1		1		
30	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1		1		
2030		39	37	2	21	0	18
1	Khoa học môi trường	1	1		1		
2	Quản lý nhà nước	1	1		1		
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	1	1		1		
4	Quản lý đất đai	1	1		1		
5	Luật	2	2		2		
6	Hóa học	1	1				1
7	Công tác xã hội	2	2				2
8	Kiến trúc	1	1		1		
9	Quy hoạch vùng - Đô thị	1	1		1		
10	Thiết kế đồ họa	1	1		1		
11	Kỹ thuật xây dựng	1	1				1
12	Quản trị kinh doanh	1	1		1		

STT	Ngành/Chuyên ngành		Trình độ		Hình thức đào tạo		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trong nước	Phối hợp	Ngoài nước
13	Quản lý công nghiệp	1	1		1		
14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	2				2
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	1				1
16	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	1	1				1
17	Công nghệ thông tin/Hệ thống thông tin	1	1				1
18	Kỹ thuật Điện - Điện tử	1	1		1		
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	2	1	1			2
20	Ngôn ngữ Anh	2	2				2
21	Quản lý giáo dục	1	1		1		
22	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	1	1		1		
23	Du lịch	2	2				2
24	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	2	1	1	1		1
25	Chính trị học	1	1		1		
26	Toán kinh tế	1	1		1		
27	Công nghệ thông tin	1	1				1
28	Kỹ thuật Cơ điện tử	1	1		1		
29	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	1	1		1		
30	Âm nhạc	1	1		1		
31	Mỹ thuật	1	1		1		
32	Công nghệ thực phẩm	1	1				1